

Số: 168 /BC-PGD

An Lão, ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU
của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển giáo dục mầm non
thành phố Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Trong thời gian thành phố triển khai Nghị Quyết Nghị quyết số 30-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển giáo dục mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 (Nghị Quyết 30-NQ/HU), Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và có rất nhiều chủ trương, chính sách chăm lo, phát triển toàn diện cho giáo dục mầm non trong cả nước.

Cùng với sự phát triển chung GDMN cả nước và thành phố, GDMN huyện An Lão có sự phát triển khá toàn diện. Quy mô mạng lưới trường, lớp mầm non toàn huyện cơ bản ổn định; tỉ lệ trẻ đến trường ngày càng tăng; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục không ngừng được nâng lên; tỉ lệ trẻ suy dinh giảm nhanh. Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên tăng về số lượng; trình độ đào tạo chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn tỉ lệ ngày càng cao; trình độ lí luận chính trị, năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm với công việc được củng cố và nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được quan tâm đầu tư; số điểm học nhỏ lẻ, số phòng học tạm, học nhờ, cấp 4 giảm đáng kể; đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học được bổ sung tăng cường thường xuyên.

Cùng với việc thực hiện Nghị Quyết 30-NQ/HU, thành phố và huyện triển khai nhiều chương trình, đề án phát triển kinh tế, xã hội như chương trình xây dựng nông thôn mới nên cơ sở vật chất các trường mầm non được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo.

Nhận thức của cán bộ, nhân dân và cộng đồng về giáo dục mầm non ngày được nâng lên. Sự ủng hộ, đồng thuận vào cuộc của cha mẹ trẻ, của các tổ chức chính trị xã hội và của cộng đồng ngày càng cao.

Sau khi Nghị quyết 30-NQ/HU ban hành, Hội Đồng nhân dân và UBND thành phố đã có Nghị quyết, Kế hoạch và các văn bản triển khai, chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện cho các quận /huyện thuận lợi trong việc triển khai thực hiện tại đơn vị.

2. Khó khăn

Tuy có sự phát triển khá toàn diện, song trước yêu cầu của đổi mới và hội nhập cũng như sự phát triển chung của đất nước, của thành phố và của huyện,

khi triển khai Nghị quyết, GDMN huyện An Lão gặp rất nhiều khó khăn và bộc lộ nhiều tồn tại hạn chế.

Cơ sở vật chất tuy đã được cải thiện song còn thiếu thốn, lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu. Còn nhiều điểm học nhỏ lẻ (50 điểm học), nhiều điểm học có nguy cơ mất an toàn; hầu hết các trường còn thiếu phòng học và phòng chức năng. Trang thiết bị dạy học vừa thiếu thốn, vừa lạc hậu. Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia còn quá thấp (Tại thời điểm đó, mới có duy nhất trường mầm non Sao Sáng đạt chuẩn quốc gia từ năm 2005). Tỷ lệ huy động trẻ đến trường (nhất là độ tuổi nhà trẻ) và tỷ lệ trẻ ăn bán trú thấp so với bình quân chung của thành phố.

Đội ngũ giáo viên nhân viên thiếu về số lượng; một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chậm đổi mới, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề còn hạn chế; giáo viên các trường mầm non bán công có lương và thu nhập quá thấp, không được xếp lương theo ngạch bậc nên đời sống gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở các trường chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế. Các nhóm trẻ gia đình phát triển nhanh nhưng không đủ điều kiện theo quy định, chủ yếu mới tổ chức trông giữ trẻ; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ chưa đạt yêu cầu.

II. Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy

1. Kết quả công tác lãnh đạo, quán triệt và chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TU

1.1. Công tác lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết

- Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã Quán triệt Nghị quyết số 30-NQ/TU của Thành ủy tại các Hội nghị báo cáo viên của huyện;
- Phòng Giáo dục tổ chức quán triệt Nghị quyết số 30-NQ/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố tại các Hội nghị của ngành Giáo dục;
- Các xã, thị trấn quán triệt Nghị quyết tới 100% cán bộ đảng viên trên địa bàn thông qua các buổi sinh hoạt đảng bộ và chi bộ; tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã;...

1.2. Việc ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TU

- Ban thường vụ Huyện ủy An Lão đã cụ thể hóa Nghị quyết 30-NQ/TU của Thành ủy bằng Nghị quyết số 04 - NQ/HU ngày 10/ 02/2011 về " Phát triển giáo dục mầm non huyện An Lão đến năm 2015, định hướng đến năm 2020";
- Ủy ban nhân dân huyện An Lão tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết trên bằng "Đề án phát triển giáo dục mầm non huyện An Lão đến năm 2015, định hướng đến năm 2020";
- Các xã, thị trấn đã cụ thể hoá các nội dung của Nghị quyết số 04 - NQ/HU ngày 10/ 02/2011 của Huyện ủy bằng những chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải

pháp trong hệ thống các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong Nghị quyết Đảng bộ, Nghị quyết HĐND các xã, thị trấn.

2. Kết quả 10 năm triển khai các nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TU

2.1. Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của giáo dục mầm non

- Tuyên truyền, bồi dưỡng làm cho cả hệ thống chính trị và toàn dân nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDMN cũng như trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi gia đình và từng cá nhân đối với việc chăm lo, phát triển GDMN;

- Thường xuyên tuyên truyền bằng nhiều hình thức với các nội dung phong phú về các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, của địa phương đối với GDMN, đặc biệt chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực GDMN; tuyên truyền về nội dung, chương trình GDMN; nêu các gương điển hình tiên tiến, các tập thể, cá nhân có nhiều cống hiến cho sự phát triển GDMN;

- Xây dựng chương trình truyền thông, phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong độ tuổi mầm non tới cộng đồng.

2.2. Kết quả phát triển quy mô mạng lưới trường lớp mầm non trên địa bàn quận/huyện

- Thực hiện Quyết định số 282/ QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND thành phố về chuyển đổi các trường mầm non bán công sang công lập, 18 trường mầm non bán công huyện An Lão đã xây dựng Đề án chuyển đổi sang trường mầm non công lập;

- Tính đến nay, toàn huyện có 19 trường mầm non công lập và 12 cơ sở tư thục được cấp phép với 290 lớp (CL 261, Tư thục: 28);

- Số trẻ đến trường 8202- tỉ lệ 64,4 %; trong đó: Nhà trẻ có 1024/4516- tỉ lệ 22,7% , MG có 7143/7666 – Tỉ lệ 93,2%; riêng trẻ 5 tuổi huy động 2769/2681- 103% (có 125 cháu ở quận huyện khác đến học tại địa bàn).

So với năm 2010: Số trường ổn định, tăng 12 cơ sở nhóm lớp độc lập tư thục có phép; tăng có 117 lớp và 2770 cháu.

2.3. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

- 100% các trường đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc thức ăn và các tai nạn thương tích trong trường học; 100% các trường được chứng nhận là trường học an toàn, đảm bảo cho trẻ theo TT13 của Bộ y tế;

- 100% các trường thực hiện, cân đo, chắm biểu đồ theo biểu đồ mới của tổ chức y tế thế giới WTO (sử dụng 6 biểu đồ để đánh giá chất lượng dinh dưỡng đối với trẻ MN); 100% trẻ được khám sức khỏe và được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng;

- Tỉ lệ trẻ suy DD thể nhẹ cân mức vừa: $182/8180 = 2,2\%$; tỉ lệ trẻ cân nặng cao hơn: $109/8180 = 1,3\%$; tỉ lệ trẻ suy DD thể thấp còi mức vừa:

$233/8180 = 2,8\%$; tỉ lệ trẻ béo phì: $72/8180 = 0,9\%$ (Vượt chỉ tiêu của Nghị Quyết)

- 100% các trường thực hiện theo chương trình GDMN do bộ quy định; Áp dụng bộ tiêu chí thực hành theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong việc thực hiện CTGDMN;

- Tính đến năm học 2018-2019, đã 2 trường thực hiện thí điểm cho trẻ làm quen với ngoại ngữ; năm học 2019-2020 theo kế hoạch có 6 trường;

- Huyện duy trì vững chắc chuẩn Phổ cập GDMNCT 5 tuổi.

2.4. Kết quả tăng cường nguồn lực tài chính và đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN.

- Việc quy hoạch đất để dồn điểm trường và xây dựng trường, lớp có hiệu quả. Năm 2010 có 50 điểm trường, đến nay chỉ còn 30 điểm trường; hầu hết các trường đủ và thừa diện tích bình quân/trẻ so với quy định;

- + Tổng số phòng học : 290 phòng; kiên cố: 274, bán KC: 14; xuống cấp: 11;

- + Các trường đầu tư mua sắm đồ dùng đồ chơi theo TT34 cơ bản là đảm bảo, đặc biệt các lớp 5 tuổi có đủ theo quy định;

- + Trang thiết bị phục vụ ăn bán trú ngày càng hiện đại và hiệu quả cao; hầu hết các trường có đủ tủ nấu cơm, hấp sấy bát; nhiều đơn vị lắp camera giám sát các hoạt động trong nhà trường;

- Có 6 trường đạt trường chuẩn Quốc gia- Chưa đạt chỉ tiêu của NQ (50%).

2.5. Kết quả xây dựng, phát triển và thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng đội ngũ: 877 người (CBQL: 55, chủ cơ sở tư thực : 10, GV: 592, Nấu ăn: 146, Kế toán: 19, y tế: 12, bảo vệ: 43)

- + Giáo viên ổn định, đủ số lương theo quy định và được biên chế;

- + Nhân viên nấu ăn được hợp đồng theo Luật lao động; mức lương cơ bản đảm bảo theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của chính phủ;

- + 100% trình độ chuẩn trở lên; trình độ trên chuẩn 80%- Vượt chỉ tiêu NQ.

2.6. Thực hiện công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

- Đa dạng hóa loại hình trường lớp mầm non; có 12 cơ sở mầm non tư thực được cấp phép (2010 chưa có cơ sở nào được cấp phép);

- Năm học 2019-2020 theo có 6 trường cho trẻ làm quen với Tiếng Anh.

II- Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

- Nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDMN được nâng lên; tạo được sự đồng thuận và vào cuộc cũng như trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và cộng đồng đối với việc chăm lo, phát triển GDMN;

- Tỉ lệ trẻ đến trường tăng; 100% trẻ được học 2 buổi/ ngày;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được bổ sung, tăng cường, đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ đến trường của nhân dân và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hầu hết các trường được mở rộng diện tích, quy hoạch xây dựng trường mầm non theo hướng tập trung; 100% các trường được xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp công trình nhà vệ sinh, bếp ăn, phòng học, các phòng chức năng và các công trình phụ trợ;

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên. Chế độ chính sách cho người lao động từng bước được đảm bảo;

- Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ngày một nâng lên; tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng hằng năm đều giảm, đặc biệt không chế được trẻ béo phì; trẻ phát triển khá toàn diện cả 5 lĩnh vực giáo dục;

- Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm đẩy mạnh; huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục mầm non; đa dạng hóa loại hình trường, lớp mầm non.

2. Những tồn tại, khó khăn, bất cập và nguyên nhân

1. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết chưa đồng bộ, chưa thống nhất và chậm như: Thực hiện cấp ngân sách chi thường xuyên trên đầu trẻ, tạo công bằng trong giáo dục mầm non; tăng cường quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non (Quy chế quản lý, sử dụng đội ngũ; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục; quy hoạch, đào tạo đội ngũ; xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia,...);

2. Việc chuyển đổi loại hình trường chưa có sự chuẩn bị chu đáo, nên cơ chế chính sách đối với người lao động sau khi chuyển đổi còn nhiều bất cập kéo dài, không phù hợp với tình hình thực tế.

3. Hệ thống các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện chưa thống nhất, chưa kịp thời, còn nhiều bất cập; đặc biệt các văn bản hướng dẫn thu- chi, chế độ chính sách đối với người lao động quá chậm, còn nhiều bất hợp lý, không thống nhất nên mỗi đơn vị vận dụng một khác, tạo sự bất ổn cho giáo dục mầm non trong nhiều năm.

4. Cơ sở vật chất được tăng cường nhưng không theo kịp yêu cầu phát triển chung và việc tăng số trẻ đến trường nên vẫn còn tình trạng quá tải học sinh/lớp, thiếu phòng học, phòng chức năng. Việc đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia còn hạn chế nên tỉ lệ trường đạt chuẩn chưa đạt chỉ tiêu của Nghị Quyết.

****Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên:***

- Cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với GDMN còn nhiều bất cập, chưa kịp thời. Đầu tư của Nhà nước cho GDMN chưa bình đẳng và tương xứng với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân;

- Công tác dự báo, quy hoạch về sự phát triển của ngành học Mầm non còn hạn chế dẫn đến quá tải, thiếu phòng học, không có đủ điều kiện để huy động học sinh đến trường; việc qui hoạch trường lớp mầm non quá nhỏ lẻ, phân tán nên việc đầu tư cơ sở vật chất gặp không ít khó khăn, kém hiệu quả, trẻ phải học ghép nhiều độ tuổi nên ảnh hưởng tới chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Nhận thức của một bộ phận lớn cán bộ, nhân dân về GDMN chưa đầy đủ nên thiếu sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện để GDMN phát triển;

- Một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non không được đào tạo chính quy, trình độ, năng lực còn hạn chế; lương và các chế độ với giáo viên mầm non bán công còn bất cập, chưa tương xứng với công sức, thời gian, trách nhiệm nên ảnh hưởng lớn tới chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ;

- Công tác tham mưu, chỉ đạo, phối hợp, triển khai một số văn bản, quy định đối với GDMN chưa hiệu quả, chưa đồng bộ hoặc vận dụng không đúng nên đã gây nhiều khó khăn cho các trường.

III. Những giải pháp sẽ thực hiện trong thời gian tiếp theo

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp, sự phối kết hợp và vào cuộc của các ban ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội đối với việc phát triển giáo dục mầm non của huyện.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt mục tiêu, nội dung cơ bản của các văn bản các cấp về giáo dục nói chung, về GDMN nói riêng tới các ban, ngành, đoàn thể và cộng đồng.

3. Tập trung các giải pháp để nâng cao tỉ lệ trẻ mầm non đến trường; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

4. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá độ ngũ CBQL, GV mầm non theo Chuẩn của Bộ Giáo dục quy định; tiếp tục tham mưu, thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên và trẻ mầm non theo các quy định hiện hành.

5. Tập trung các nguồn lực để đầu tư CSVC, đồ dùng thiết bị cho các trường mầm non; ưu tiên ngân sách chi cho các chương trình, mục tiêu, Đề án của Giáo dục mầm non.

IV. Những kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Thành phố

* Đối với Ủy ban nhân dân thành phố:

- Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giáo dục nói chung, giáo dục mầm non nói riêng; kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giáo dục mầm non; ưu tiên trước và tăng đầu tư ngân sách của thành phố chi thường xuyên cho giáo dục và kinh phí để thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án của Giáo dục.

- Điều chỉnh, nâng mức công trợ của thành phố cho việc cải tạo, xây mới các phòng học, phòng chức năng và trường chuẩn quốc gia;
- Cần triển khai, thực hiện đồng bộ các văn bản chỉ đạo của các cấp đối với lĩnh vực giáo dục nói chung, giáo dục mầm non nói riêng;
- Cần ban hành các văn bản hướng dẫn, nhất là các văn bản hướng dẫn thu-chi cụ thể, kịp thời;
- Có hướng dẫn thực hiện thống nhất chế độ chính sách đối với nhân viên kế toán, y tế học đường và nhân viên nấu ăn đối với các cơ sở Giáo dục Mầm non;
- Triển khai việc miễn học phí cho trẻ mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo (Trước năm 2020).

3. Đối với Trung ương

- Đối với Quốc hội: Sửa đổi Luật Giáo dục cho phù hợp thực tiễn; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục mầm non; đổi mới việc phân bổ ngân sách và nâng tỉ trọng ngân sách chi cho giáo dục;
- Đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành: Xây dựng Chương trình hành động, các Đề án thực hiện Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo; kịp thời ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giáo dục mầm non; tăng cường quản lý và phân cấp quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục; đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non; đổi mới nội dung chương trình, hình thức đào tạo, đào tạo lại giáo viên mầm non; sớm thực hiện việc cải cách tiền lương đối với giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT,
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- LĐ, CV Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Thị Minh